



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 4 ( TS4 )**  
**SEAFOOD JOINT STOCK COMPANY NO.4**  
320 Hưng Phú – Phường 9 – Quận 8 – T/P Hồ Chí Minh  
Tel : (84-8) 39543361 – 39543363 Fax : (84-8) 39543362.  
Email : [seafoodno4@vnn.vn](mailto:seafoodno4@vnn.vn) Web site : [seafoodno4.com](http://seafoodno4.com)

-----oOo-----

## A. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Lịch sử hình thành

Tiền thân của Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 4 hình thành từ 2 nhà máy thủy hải sản của tư nhân là: Nhà máy Thủy hải sản Thái Bình và Nhà máy Thủy hải sản Tân Nam Hải. Sau ngày thống nhất đất nước (30/04/1975), thực hiện chương trình quốc hữu hóa của Đảng và Nhà nước, UBND Tp.HCM ban hành quyết định quốc hữu hóa 2 nhà máy nói trên thành 2 Xí nghiệp Quốc doanh Chế biến Hải sản số 8 và số 9. Ngày 08/12/1979, để hợp lý hóa tổ chức, phù hợp với tình hình nhiệm vụ hiện tại các công ty XNK hải sản, Bộ Hải sản ra Quyết định số 1275/QĐ hợp nhất 2 Xí nghiệp Chế biến Hải sản số 8 và số 9 thành Xí nghiệp Hải sản Đông lạnh 4.

Năm 1993, thực hiện Nghị định 338-HĐBT về việc củng cố tổ chức lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước, ngày 31/03/1993 Bộ Hải sản đã ra Quyết định số 249-TS/QĐ-TC về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp Thủy sản Đông lạnh 4, theo quyết định này Nhà nước giao quyền sử dụng vốn cho xí nghiệp, xí nghiệp có trách nhiệm bảo tồn và phát triển nguồn vốn.

Từ năm 1995, Xí nghiệp Thủy sản Đông lạnh 4 được đổi tên thành Công ty XNK và Chế biến Thủy sản Đông lạnh số 4 theo Quyết định số 60-TS/QĐ của Bộ Thủy sản. Theo đường lối đổi mới nền kinh tế của Đảng và Nhà nước, Công ty đã phát huy tinh năng động sáng tạo trong hoạt động kinh doanh, nâng cao được vị thế của mình trên thương trường, tích lũy và tăng cường thêm nội lực.

Thực hiện chương trình cổ phần hóa theo Nghị định số 44/1998/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 11/01/2001 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 09/2001/QĐ-TTg về việc chuyển Công ty XNK và Chế biến Thủy sản Đông lạnh số 4 thành Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 với vốn điều lệ 15.000.000.000 đồng. Công ty chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần vào ngày 01/06/2001 với Giấy CNĐKKD số 410300436 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 31/05/2001.

Ngày 01/07/2002, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy sản số 4, với mã chứng khoán là TS4, đã chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM.

Nhằm đa dạng hóa sản phẩm, tăng giá trị mặt hàng và doanh thu, năm 2005, TS4 tiến hành đầu tư xây dựng Nhà máy Chế biến thủy sản chất lượng cao tại Cảng cá Tắc Cậy, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, nằm trên diện tích 8.200 m<sup>2</sup>, có công suất thiết kế là 4.000 tấn sản phẩm/năm (gấp 02 lần công suất hiện tại của Xí nghiệp chế biến của Công ty tại Tp.HCM). Hiện tại, Nhà máy ở Kiên Giang đã đi vào hoạt động từ tháng 06/2006, đến nay đã có một lượng khách hàng ổn định với hững mặt hàng chất lượng cao.

Năm 2007, TS4 tiến hành đầu tư xây dựng Nhà máy Chế biến cá Tra, cá Basa và Tôm cang tại Cụm Công nghiệp Bình Thành ở Tỉnh Đồng Tháp, diện tích 30.000 m<sup>2</sup>, có quy mô công suất thiết kế 20.000 tấn thành phẩm/năm. Năm 2009, nhà máy này đã chính thức đi vào hoạt động và cung cấp sản phẩm với sản lượng ổn định.

## 1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Thủy sản số 4**
- Tên tiếng Anh: **Seafood Joint Stock Company No 4**
- Tên viết tắt: **Seapriexo No.4**
- Mã chứng khoán: **TS4**
- Logo:



- Trụ sở chính: 320 Hưng Phú, P.9, Q.8, Tp.HCM
- Điện thoại: (08) 39543361/39543369
- Fax: (08) 39543362/39543367
- Website: [www.seafoodno4.com](http://www.seafoodno4.com)
- Email: [seafoodno4@vnn.vn](mailto:seafoodno4@vnn.vn)
- Vốn điều lệ: 115.000.000.000 đồng (một trăm mười lăm tỷ đồng)
- Giấy CNĐKKD số: 0302317620, đăng ký lần đầu ngày 31/05/2001, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 22/06/2011
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Chế biến các mặt hàng thủy hải sản, nông sản, súc sản. Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị cơ điện lạnh. Kinh doanh nhà; cho thuê văn phòng. Sản xuất hàng may mặc (trừ tây, nhuộm, hồ, in). Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thủy hải sản, nông sản (trừ gạo, đường mía, đường củ cải), súc sản và các loại hàng hoá, vật tư, thiết bị, công nghệ phẩm phục vụ cho các nhu cầu sản xuất kinh doanh trong và ngoài ngành, hàng may mặc. Nuôi trồng thủy sản nước ngọt (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (trừ chế biến thực phẩm tươi sống). Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
  - Đại lý du lịch.
  - Điều hành tour du lịch.
  - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.
  -

## 2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành của TS4 là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/04/2011, được sửa đổi theo phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 và điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán.

Cơ cấu tổ chức của TS4 hiện tại gồm: văn phòng Công ty, các phòng chức năng, các chi nhánh, xí nghiệp chế biến trực thuộc.

- **Văn phòng Công ty:** Nơi đặt trụ sở chính của TS4, có văn phòng làm việc của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban nghiệp vụ gồm: Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Kỹ thuật cơ điện lạnh, Phòng Kế hoạch – kinh doanh, Phòng Kế toán tài chính, Phòng KCS, Phân xưởng chế biến 1.

- Địa chỉ: 320 Hưng Phú, P.9, Q.8, Tp.HCM
- Điện thoại: (08) 39543361/39543369
- Fax: (08) 39543362/39543367

- **Các đơn vị trực thuộc:**

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 – Kiên Giang:

- Địa chỉ: Cảng cá Tắc Cậu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại: (077) 3616752
- Fax: (077) 3616757

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 – Đồng Tâm:

- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Bình Thành, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại: (067) 3541906
- Fax: (067) 3541904

## 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

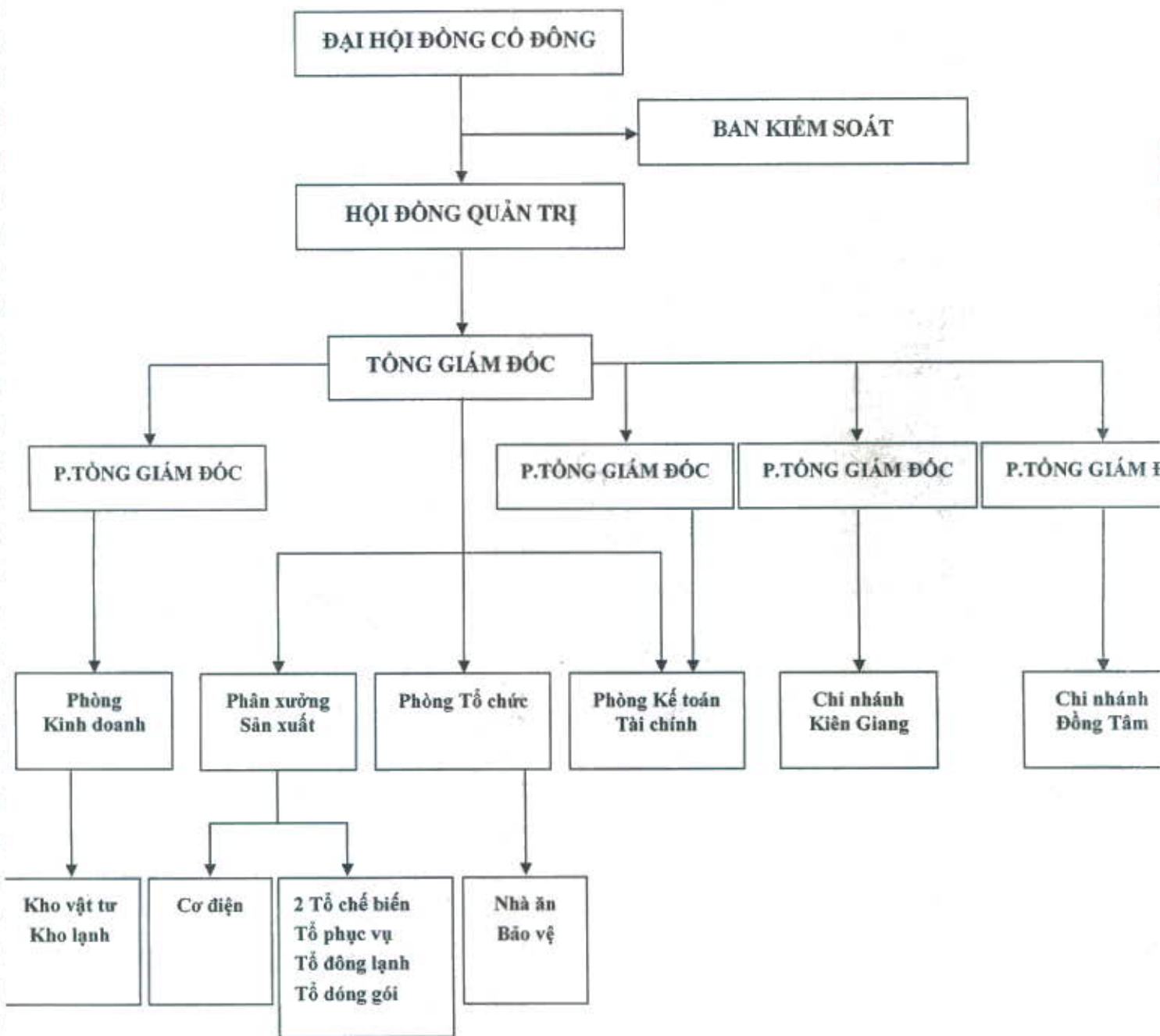
- **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan quyết định cao nhất của TS4. Đại hội đồng cổ đông có các quyền hạn sau:
  - Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty.
  - Thông qua định hướng phát triển Công ty, báo cáo tài chính hàng năm.
  - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
  - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
  - Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
  - Các quyền khác được quy định tại điều lệ.
- **Hội đồng quản trị:** số thành viên Hội đồng quản trị của TS4 gồm 05 thành viên. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các

quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền hạn sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
  - Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.
  - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó.
  - Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập, giải thể các đơn vị trực thuộc Công ty, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
  - Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
  - Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản Công ty.
  - Các quyền khác được quy định tại điều lệ.
- **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của TS4. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm sau:
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
  - Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo kết quả thẩm định các vấn đề trên lên Đại hội đồng cổ đông thường niên.
  - Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, nhóm cổ đông.
  - Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
  - Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
  - Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập, kiểm toán viên hoặc kế toán viên có chứng chỉ hành nghề để thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
  - Các quyền khác được quy định tại điều lệ.

- **Ban Tổng Giám đốc:** Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm gồm 05 thành viên. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:
  - Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc hàng ngày của Công ty mà không cần phải có ý kiến của Hội đồng quản trị.
  - Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
  - Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
  - Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.
  - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
  - Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
  - Các nhiệm vụ khác được quy định tại điều lệ.
- **Các phòng ban nghiệp vụ:** các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.

Sơ đồ 1: Sơ đồ bộ máy quản lý



**4. Hoạt động kinh doanh**

**4.1. Sản phẩm, dịch vụ chính**

Hoạt động kinh doanh chính hiện nay của Công ty được chia ra như sau:

- Chế biến, xuất khẩu, nhập khẩu thủy hải sản, nông sản (trừ gạo, đường mía, đường củ cải), súc sản. Một số mặt hàng tiêu biểu của Công ty:
  - Chế biến các sản phẩm về mực đông lạnh các loại. Một số sản phẩm tiêu biểu:

**Mực ống lột da nhồi đầu:**

- Kích cỡ: 6, 8, 8/12 cm.



- Đóng gói: 1 pound/khay hút chân không x 40 khay/carton.
- Đặc điểm kỹ thuật: Mực ống lột da, đầu làm sạch nhồi vào thân mực.



#### Mực ống cắt khúc xiên que:

- Kích cỡ: Chiều cao cắt: 3.0 – 4.0 cm, đường kính tối thiểu: 3.0 cm.
- Đóng gói: 100 gr/que x 10 que/túi PE x 10 túi = 10 kg/carton.



#### Mực lá Sugata:

- Kích cỡ: 80/100 gr/miếng.
- Đóng gói: 1 miếng/túi PA hút chân không, 10 kg/carton.



#### Mực Sushi:

- Kích cỡ: 80/100 gr/miếng.
- Đóng gói: 1 miếng/túi PA hút chân không, 10 kg/carton.



#### Mực nang cắt thông:

- Kích cỡ: 21/40, 41/60, 61/80, 81/120 miếng/kg.
- Đóng gói: IQF, 1 kg/túi PE x 10 túi = 10 kg/carton.
- Đặc điểm kỹ thuật: mực nang fillet cắt thông, trung, đông IQF.

- Chế biến các sản phẩm về cá đông lạnh các loại. Một số sản phẩm tiêu biểu:



#### Cá Thu fillet:

- Kích cỡ: 300/500, 500/800, 800/1200, 1200/up gr/miếng.
- Đóng gói: IQF, 1 miếng/túi PE, 10 kg/carton; hoặc: 5 kg/block x 2 block = 10 kg/carton.



#### Cá He nguyên con:

- Kích cỡ: 220/250, 250/up gr/con.
- Đóng gói: IQF, 2 con/khay hút chân không, 40 pound/carton.



#### Cá Thu cắt khúc:

- Kích cỡ: 3 cm (chiều cao).
- Đóng gói: IQF, 2 miếng/khay hút chân không, 40 lbs/carton.



#### Cá Bò da cắt đầu lột da

- Kích cỡ: 70/100, 100/130, 130/160, 160/200, 200/300 gr/con.
- Đóng gói: Đông Semi IQF, 5 kg/block x 2 = 10 kg/carton.



#### Cá Basa cắt khúc:

- Kích cỡ: 3 cm (chiều cao khúc cắt).
- Đóng gói: 1 pound/khay hút chân không x 40 khay/carton.



#### Cá Lưỡi trâu filet vòng:

- Kích cỡ: 40 gr/miếng.
- Đóng gói: IQF, 25 miếng/túi hút chân không x 10 túi = 10 kg/carton.



#### Cá Lưỡi trâu fillet:

- Kích cỡ: 35/40, 40/45, 45/55, 55/70 gr/miếng.
- Đóng gói: IQF, 250 gr/túi hút chân không x 40 túi = 10 kg/carton.

- Chế biến các sản phẩm về ghẹ đông lạnh:



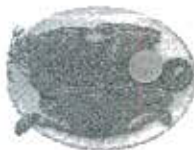
#### Ghẹ Farci:

- Kích cỡ: 30 gr, 50 gr, 70 gr/miếng.
- Đóng gói: 1 miếng/túi PE, 1 kg/hộp x 12 hộp = 12 kg/carton.



#### Thịt ghẹ bánh tròn:

- Kích cỡ: 50 gr, 60 gr/miếng.
- Đóng gói: 1 miếng/túi PE x 20 miếng /hộp x 6 hộp/carton.



#### Ghẹ nguyên con:

- Kích cỡ: 80/100, 100/200, 200/300, 300/up gr/con.
- Đóng gói: 1 con/túi PE, 5 kg/thùng nhỏ x 2 = 10 kg/carton.



#### Đùi thịt ghẹ hấp:

- Kích cỡ: 4/7 (Lump), 7/up (Jumbo Lump) gr/miếng.
- Đóng gói: 1 pound/túi PA hút chân không x 20 túi/carton.



#### Ghẹ cắt đôi:



- Kích cỡ: U/10, 11/15, 16/20, 21/25, 26/30, 31/40 miếng/kg.
- Đóng gói: 1 kg/hộp x 12 hộp = 12 kg/carton.

▪ Các sản phẩm giá trị gia tăng:



**Tôm viên (chiên):**

- Kích cỡ: 20 gr/viên.
- Đóng gói: 1 pound/túi PA hút chân không x 40 túi/carton.
- Thành phần: tôm thịt, bột mì, bột ngọt, tiêu, đường, muối...



**Xúc xích hải sản:**

- Kích cỡ: 50 gr/miếng.
- Đóng gói: 10 miếng/túi PA hút chân không x 20 túi = 10 kg/carton.
- Thành phần: cá Đổng xộp, tôm sú, dầu mực nang.



**Khoai tây cuộn Tôm chiên:**

- Kích cỡ: 30 gr/miếng.
- Đóng gói: 10 miếng/khay hút chân không x 20 khay = 6 kg/carton.
- Thành phần: tôm PTO, cá Surimi, khoai tây, gia vị.



**Cá viên:**

- Kích cỡ: 20 gr/viên.
- Đóng gói: 1 pound/túi PA hút chân không x 40 túi/carton.
- Thành phần: thịt cá, bột mì, đường, tiêu, bột ngọt...



**Chả giò hải sản:**

- Kích cỡ: 17, 20 gr/cái.
- Đóng gói: 1 pound/khay/túi PE x 40 khay/carton.
- Thành phần: thịt tôm, thịt ghẹ, cà rốt, khoai môn, đậu xanh, củ sắn, gia vị...



**Hải sản hỗn hợp:**

- Đóng gói: 1 kg/túi PE x 10 túi = 10kg/carton.
- Thành phần: tôm thịt trung, dầu mực ống, nghêu, còi sò điệp, càng cua giả...

▪ Các sản phẩm khác:

**Nhân tiêu:**

- Đóng gói: 2 pound/túi lưới x 20 túi = 40 pound/carton.

**Bạch tuộc bỏ nội tạng:**

- Kích cỡ: 5/15, 16/25, 26/40, 41/60 con/kg.
- Đóng gói: xếp bông, đóng 1 kg/block x 12 block/carton.

**Bắp luộc:**

- Kích cỡ: 120/160 gr/cái.
- Đóng gói: 3 cái/túi PA hút chân không, 40 pound/carton.

**Tôm càng nguyên con:**

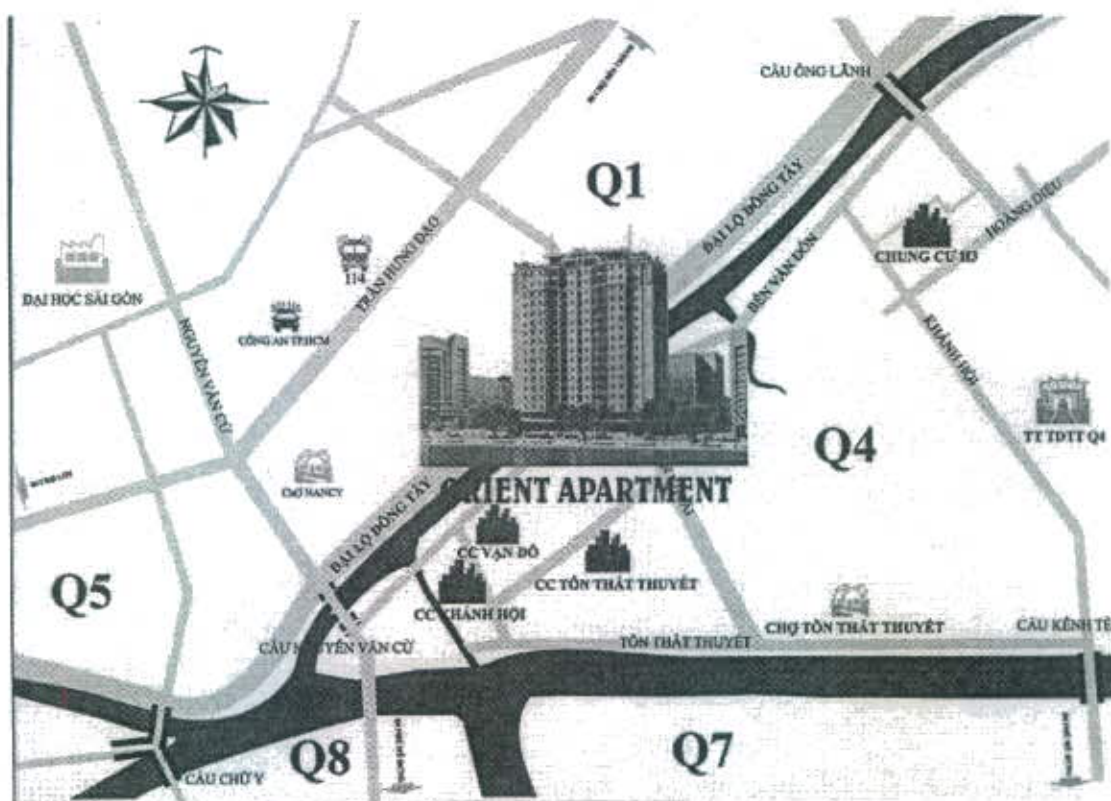
- Kích cỡ: 2/4, 4/6, 6/8, 8/12 con/pound.
- Đóng gói: 2 pound/hộp x 12 hộp/carton.

- Ngoài kinh doanh chế biến các sản phẩm thủy hải sản, nông sản xuất khẩu..., TS4 còn kinh doanh mảng bất động sản, kinh doanh nhà, cho thuê bất động sản.

Một dự án bất động sản của TS4 đã được khởi công xây dựng vào năm 2008 và hoàn thành vào năm 2010, hiện nay đã chào bán, cho thuê là Chung cư cao cấp Orient Apartment (17 tầng):

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thủy sản số 4.
- Tên dự án: Chung cư cao cấp Orient Apartment.
- Địa điểm: 331 Bến Vân Đồn, P.1, Q.4 Tp.HCM
- Tổng diện tích: 3.275 m<sup>2</sup>.
- Quy mô:
  - Mặt bằng tầng hầm: diện tích 2.254,46 m<sup>2</sup>.
  - Mặt bằng tầng 1: diện tích 1.277,94 m<sup>2</sup>.
  - Mặt bằng tầng 2: diện tích 1.264,4 m<sup>2</sup>.
  - Mặt bằng tổng thể tầng 3 – 17: diện tích 1.373 x 15 = 20.595 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế căn hộ: khu căn hộ cao cấp được bố trí từ tầng 3 đến tầng 17 với tổng số căn hộ là 180 căn được chia làm 3 loại: Loại A có diện tích 98,83 m<sup>2</sup>, Loại B có diện tích 90,05 m<sup>2</sup> và Loại C có diện tích 71,72 m<sup>2</sup>, mỗi loại có 60 căn.
- Tiện ích: tầm nhìn thông thoáng ngay bờ sông, chưa tới 5 phút để đi tới Chợ Bến Thành, các trung tâm thương mại lớn tại: Quận 1, Quận 5, Quận 7, Quận 8. Ngoài ra, Orient Apartment

còn có tầng hầm để xe rộng hơn 2.000 m<sup>2</sup>, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống 4 thang máy...



#### 4.2. Các nhà máy chế biến sản xuất của Công ty

Để phục vụ cho nhu cầu sản xuất, chế biến kinh doanh các mặt hàng của mình, hiện nay TS4 có các nhà máy sản xuất và chế biến như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 – Kiên Giang
  - Địa chỉ: Cảng cá Tắc Cậy, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
  - Công suất thiết kế: 150 tấn/tháng. Công suất hoạt động thực tế hiện nay khoảng 70%.
  - Mặt hàng sản xuất chính:
    - Mực các loại: xuất khẩu sang Nhật Bản, Mỹ.
    - Cá Lưỡi trâu: xuất khẩu sang Nhật Bản.
    - Cá Tra: xuất khẩu sang châu Âu.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 – Đồng Tâm:
  - Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Bình Thành, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp.
  - Tại Chi nhánh Đồng Tâm của TS4 vừa có nhà máy sản xuất chế biến thủy sản và vừa có vùng nuôi nguyên liệu cung cấp chủ yếu cho Nhà máy chế biến.
  - Nhà máy chế biến thủy sản:
    - Công suất thiết kế: 20.000tấn/ năm, Công suất hoạt động thực tế hiện nay khoảng từ 55 – 60%.
    - Mặt hàng sản xuất chính là cá Tra các loại: xuất khẩu sang châu Âu, châu Á.
  - Vùng nuôi: thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2011, đến nay Công ty đã triển khai đầu tư được 24 ao nuôi cá Tra (tương đương 30 ha), cung cấp được 60% nguyên liệu cho nhà máy.
- Xưởng sản xuất chế biến tại Trụ sở chính:
  - Địa chỉ: 320 Hưng Phú, P.9, Q.8, Tp.HCM.
  - Công suất thiết kế: 100 tấn/tháng. Công suất hoạt động thực tế hiện nay khoảng 70%.
  - Các mặt hàng sản xuất chính:
    - Hàng nông sản, xuất khẩu sang thị trường Mỹ.
    - Cá Đục fillet: xuất khẩu sang Thái Lan.
    - Ghẹ nguyên con, ghẹ mảnh: xuất khẩu sang Nhật Bản, Thái Lan...
    - Cá nước ngọt các loại, xuất khẩu sang thị trường Mỹ.

Hiện nay, TS4 đang thực hiện dự án di dời xưởng sản xuất này về Khu Công nghiệp Long Hậu – Tỉnh Long An theo chủ trương di dời của UBND Tp.HCM, dự án đã thực hiện đóng xong phần móng. TS4 sẽ chọn thời điểm kinh tế khởi sắc, lãi suất ngân hàng giảm để tiếp tục triển khai dự án.

#### 4.3 Nguyên vật liệu

##### 4.3.1 Một số nguyên liệu chính



### Cá Đục bạc:

Tên tiếng Anh là Silver Sillago, tên khoa học là *Silago sihama*. Nguồn nguyên liệu khai thác từ thiên nhiên bằng lưới kéo đáy hoặc câu với mùa vụ khai thác quanh năm. Loài cá này phân bố tập trung nhiều ở vùng biển miền Trung, nhất là ở Phan Thiết và Bình Thuận.



### Mực lá:

Tên tiếng Anh là Bigfin Reef Squid (Broad Squid), tên khoa học là *Sepioteuthis lessoniana*. Là loài mực có cơ thể lớn, nhìn bề ngoài vừa giống mực nang, vừa giống mực ống. Chiều dài thân 250 – 400 mm, thân dài gấp 3 lần chiều rộng. Ngoài mực lá thì TS4 còn khai thác các loại khác như: mực ống, mực nang, mực bạch tuộc. Tất cả các loài mực đều là loài nhuyễn thể chân đầu thuộc ngành động vật thân mềm. Nguồn nguyên liệu này được khai thác hoàn toàn từ thiên nhiên với các hình thức khai thác được sử dụng như: lưới vây, câu, mảnh, vó, chụp kết hợp với ánh sáng. Mùa vụ khai thác: quanh năm nhưng có 2 vụ chính là vụ bắc vào các tháng 1 đến tháng 3 và vụ nam từ tháng 6 đến tháng 9. Ở Việt Nam, các loài mực này được phân bố ở cả ba vùng biển Bắc – Trung – Nam bộ, nhưng tập trung nhiều nhất là ở vùng Vịnh Bắc Bộ, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận.



### Cá Lưỡi trâu:

Tên tiếng Anh là Speckled Tongue Sole, tên khoa học là *Cynoglossus robustus*. Là loài cá có thân dẹt và dài, vây lưng và vây hậu môn liền với vây đuôi. Hai mắt ở một bên thân trái với một khoảng hẹp giữa hai mắt. Hai đường bên ở phía thân có mắt, phía thân bên kia không có đường bên. Mặt thân có mắt, màu vàng nâu với nhiều chấm nâu đậm xếp không theo quy luật. Loài cá này tập trung ở vùng biển Trung và Nam Bộ. Mùa vụ khai thác: quanh năm, nhưng tập trung vào các tháng từ tháng 9 đến tháng 4 hàng năm. Nguồn nguyên liệu này được khai thác dưới các hình thức như: lưới kéo đáy, rê.



### Ghẹ:

Tên tiếng Anh là Green Crab, tên khoa học là *Portunus pelagicus*. Ghẹ được phân bố ở khắp các vùng biển của Việt Nam đến độ sâu 50 – 100 m và cửa sông, đáy cát bùn từ Bắc vào Nam, nguồn lợi khá phong phú. Ghẹ xanh ưa thích sống ở vùng nước có độ mặn 25 – 31‰ và thường sống ở độ sâu từ 4 đến 10 m nước ở những vùng biển có đáy là cát, cát bùn và cát bùn có san hô chết. Ghẹ được phân bố khắp vùng biển Việt Nam với mùa vụ khai thác từ tháng 5 đến tháng 2 năm sau. Ngư cụ

dùng để khai thác là lưới ghẹ, lưới kéo, câu, lồng bẫy...



#### **Cá Tra:**

Tên tiếng Anh là Pangasius, tên khoa học là Pangasius hypophthalmus. Là loại cá da trơn có trị kinh tế cao, được nuôi tập trung tại nhiều nước trên thế giới, ở Việt nam tập trung tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Thân dài hẹp ngang, đầu nhỏ vừa phải, da trơn không có vảy, thân màu xám, hơi xanh trên lưng. Kích thước khoảng 30 – 40 cm. Mùa vụ khai thác quanh năm. Đây là loài cá có sản lượng xuất khẩu được xem là lớn nhất hiện nay của Việt Nam.

#### **Các loại thủy sản và nông sản khác:**

Ngoài các loại nguyên vật liệu chính nói trên, TS4 còn kinh doanh các sản phẩm thủy sản và nông sản khác tùy theo mùa vụ như:

- Cá nước ngọt đông lạnh bao gồm: cá lóc, cá trê, cá rô, cá kèo, cá sặc...
- Nhuyễn thể hai mảnh: nghêu, sò, ốc, hến.
- Các loại cá khô: cá cơm khô, cá sặc khô.
- Cá loại nông sản: nhãn, vú sữa, bắp luộc, khoai mì...

Nhìn chung, nguồn nguyên liệu đầu vào của TS4 khá ổn định do:

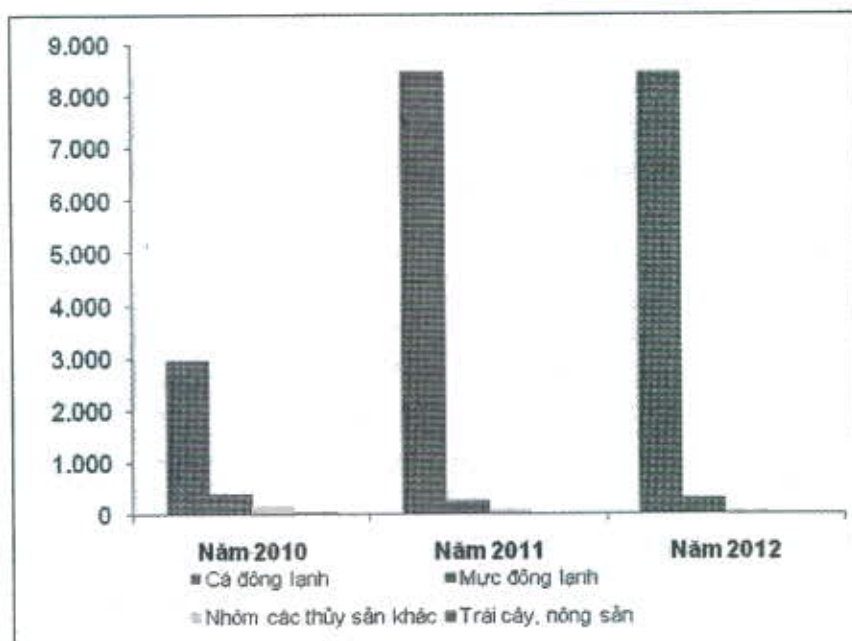
- Công ty và các nhà cung cấp đã có mối quan hệ gắn bó từ rất lâu.
- Nhà máy tại Kiên Giang của Công ty nằm ngay Cảng cá Tắc Cậu nên việc tiến hành thu mua nguyên liệu khá dễ dàng, có nhiều nhà cung cấp muốn hợp tác với Công ty.
- Nguồn nguyên liệu cung cấp từ vùng nuôi tại Chi nhánh Đồng Tâm của Công ty được duy trì ổn định qua từng năm. Đây là vùng có điều kiện tự nhiên khá thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản và vị trí giao thông thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên liệu cung cấp cho Nhà máy chế biến của Công ty. Hiện nay, vùng nuôi này cung cấp khoảng 60% cá Tra nguyên liệu cho hoạt động sản xuất, chế biến.
- Công ty luôn có những biện pháp thích hợp trong việc thay đổi các sản phẩm tùy thuộc vào mùa vụ khai thác và tình hình thời tiết tự nhiên.
- Công ty có những chính sách thích hợp trong việc thu mua nguyên liệu như thành lập đội thu mua chủ lực, bám sát địa bàn từng ngày, vận dụng sách lược thời vụ để tạo nguồn hành dự trữ sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thị trường...

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận:

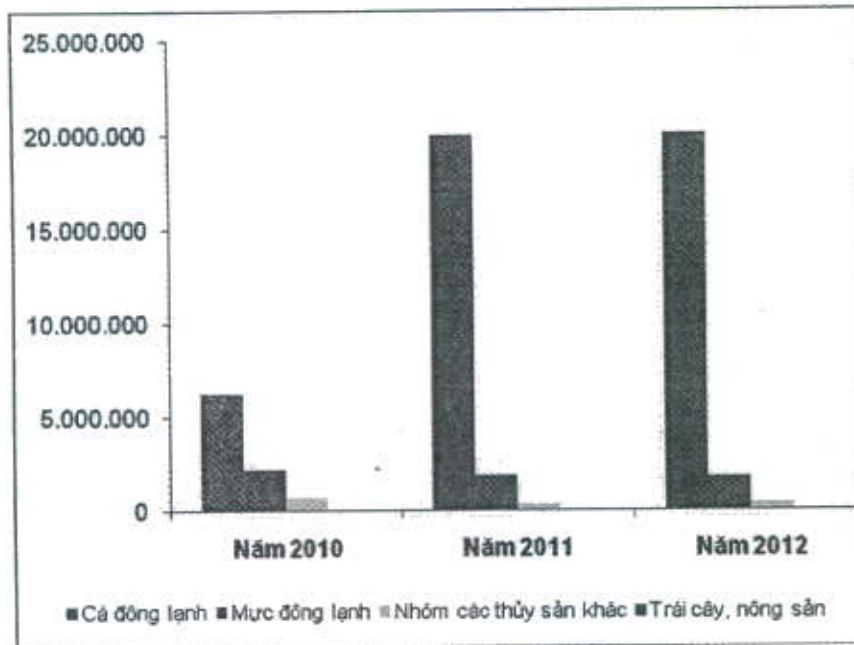
- Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng bình quân khoảng 70% giá thành sản phẩm của Công ty, vật tư bao bì chiếm khoảng 4 – 5% giá thành. Như vậy, giá cả nguyên vật liệu đầu vào được xem là một trong những yếu tố chính ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Giá cả của các loại nguyên liệu thủy sản khai thác đánh bắt trong tự nhiên thường xuyên dao động do phụ thuộc vào mùa vụ và điều kiện tự nhiên. Ngoài ra, lượng thủy sản trong tự nhiên hiện nay đã có biểu hiện của sự khan hiếm và cạn kiệt. Bên cạnh đó, trong thời gian vừa qua giá các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, điện... liên tục tăng cao đã ảnh hưởng đến việc tăng giá các loại nguyên liệu thủy sản của Công ty.
- Trong bối cảnh giá cả các mặt hàng nguyên liệu thường xuyên biến động, Công ty luôn có những chính sách, biện pháp và sự chuẩn bị kịp thời để điều hòa giá cả nguyên liệu không bị biến động nhiều như: quản lý thật chặt mức tiêu hao nguyên liệu, chọn lựa mua nguyên liệu đạt chuẩn về quy cách, thành lập đội thu mua chủ lực bám sát địa bàn và giá cả từng ngày, vận dụng sách lược giá, thời vụ để tạo nguồn hàng sẵn sàng đáp ứng cho thị trường. Hoặc khi cần thiết, Công ty có thể giảm sản lượng sản xuất và đàm phán với khách hàng về việc điều chỉnh thời gian giao hàng hoặc thương lượng khách hàng mua để hỗ trợ giá thành sản phẩm...

**Biểu đồ 1: Sản lượng xuất khẩu qua các năm**



Biểu đồ 2: Giá trị xuất khẩu qua các năm



Có thể thấy: các sản phẩm cá đông lạnh luôn chiếm một tỷ trọng chủ yếu về sản lượng và doanh thu xuất khẩu trong các năm và có xu hướng tăng dần qua các năm (năm 2010 chiếm 67,72% trong doanh thu xuất khẩu, năm 2011 là 89,90% và năm 2012 là 90,05%).

Chiếm tỷ trọng đứng thứ 2 là các sản phẩm mực đông lạnh, tuy nhiên nhóm sản phẩm này đã có sự sụt giảm khá mạnh về sản lượng và doanh thu xuất khẩu trong năm 2011 (năm 2010 chiếm 24,28% doanh thu xuất khẩu, năm 2011 chỉ còn chiếm 8,55% và xu hướng giảm tiếp tục thể hiện trong năm 2012 chỉ chiếm tỷ trọng là 8,06%).

Chiếm tỷ trọng đứng thứ 3 là nhóm các sản phẩm thủy sản đông lạnh khác (ghe, tôm...). Nhóm này chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu, đồng thời tương tự nhóm sản phẩm mực đông lạnh, nhóm sản phẩm các loại thủy sản khác có sự sụt giảm mạnh về cơ cấu doanh thu khi năm 2010 chiếm tỷ lệ là 7,30%, năm 2011 chỉ còn 1,55%.

Ngoài ra, các sản phẩm nông sản chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu doanh thu các mặt hàng xuất khẩu của TS4.

Về thị trường xuất khẩu: trong năm 2012, TS4 tiếp tục giữ vững và ổn định ở các thị trường chính là: Nhật Bản (11,9%) chủ yếu là tiêu thụ mực, ghẹ; Mỹ (3,4%) mặt hàng tiêu thụ là cá đông nguyên con các loại, trái cây, nông sản; Thái Lan (17,8%) là cá Đục fillet, Úc (5,5%), EU (41,7%) mặt hàng tiêu thụ chính là cá Basa. Ở thị trường Nhật Bản, TS4 đang cố gắng tìm thêm khách hàng mới; với thị trường Mỹ, khách hàng là cổ đông chiến lược của Công ty đã giúp cho Công ty mở rộng thêm nhiều mặt hàng mới, tiếp tục phát triển, sản xuất mặt hàng tôm càng để đẩy mạnh doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Ở thị trường Hàn Quốc đã giúp Công ty tận dụng được kích cỡ trong việc thu mua nguyên liệu. Đến giữa năm 2007 khi đã có Code vào thị trường châu Âu, TS4 đã tìm được khách hàng mới tại thị trường này.

Thị trường xuất khẩu chính của TS4 là: Nhật Bản, EU, Thái Lan, Mỹ... Trong đó, thị trường EU chiếm 41,7%, thị trường Thái Lan chiếm 17,8%, thị trường Nhật Bản chiếm 11,9% trong tổng sản lượng xuất khẩu của Công ty trong năm 2012.



Ngoài các sản phẩm kinh doanh chính, Dự án Chung cư cao cấp Orient Apartment được TS4 triển khai cũng đã mang về cho Công ty những khoản doanh thu đáng kể. Tính đến thời điểm ngày 31/12/2012, TS4 đã bán được 175 căn hộ, còn lại 05 căn hộ chưa bán. Dự tính khi bán hết số căn hộ còn lại này sẽ mang về thêm cho TS4 khoảng 11 tỷ đồng doanh thu.

Trong các loại chi phí, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trên doanh thu thuần, xấp xỉ 80% qua các năm. Trong năm 2012, tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần có giảm nhẹ còn 77,41% so với 79,39% của năm 2011. Bên cạnh đó, chi phí bán hàng cũng thường xuyên chiếm một tỷ trọng lớn trên doanh thu thuần (năm 2010 là 6,93%; năm 2011 là 7,64% và năm 2012 là 9,29%).

Năm 2011, tỷ trọng chi phí tài chính trên doanh thu thuần tăng mạnh từ 3,62% lên 6,25% và tiếp tục tăng lên 7,35% trong năm 2012. Nguyên nhân chính là do: trong năm 2011, TS4 không thể phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ do thị trường chứng khoán suy giảm, giá cổ phiếu của Công ty không đạt kỳ vọng, để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã phải đi vay ngân hàng. Do đó, Công ty phải chi trả lãi vay phát sinh do phục vụ sản xuất kinh doanh và lãi vay tại Chi nhánh Đồng Tháp đã khiến cho chi phí tài chính năm 2011 tăng mạnh.

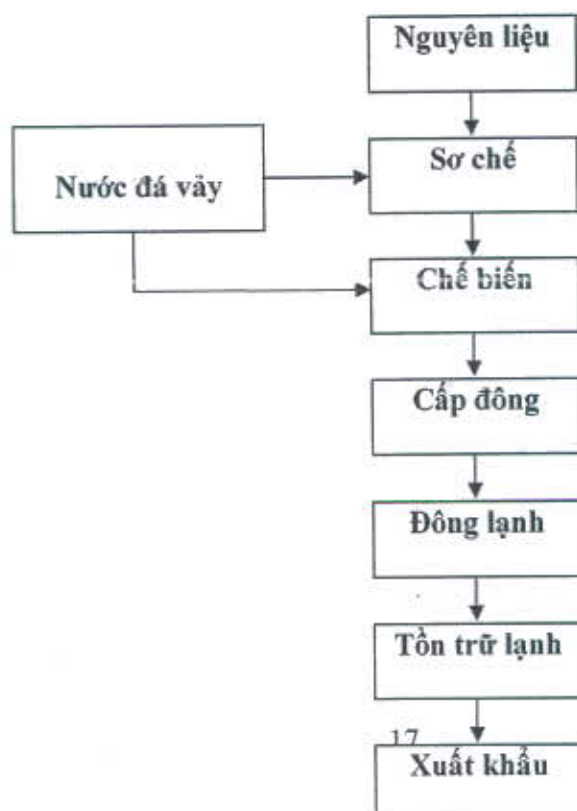
Nhìn chung, chi phí của TS4 ở mức trung bình so với các đơn vị trong ngành trên cùng địa bàn. Điều này thể hiện nỗ lực của TS4 trong việc hạn chế chi phí nhằm tăng lợi nhuận trong kinh doanh và tạo sự cạnh tranh trên thị trường.

#### 4.2. Trình độ công nghệ

Nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững, đáp ứng được những nhu cầu ngày càng cao của thị trường, nâng cao uy tín và vị thế của thương hiệu TS4, Công ty luôn đặt sự quan tâm hàng đầu đến trình độ công nghệ và thường xuyên đào tạo đội ngũ nhân viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

Quy trình chế biến thủy sản đông lạnh và các sản phẩm khác của Công ty được khép kín từ khâu nguyên liệu đến sản xuất ra thành phẩm. Những máy móc thiết bị được chuyên dụng được TS4 đưa vào sử dụng có nguồn gốc từ Nhật Bản như: tủ cấp đông Mycom, tủ cấp đông Mitsubishi, kho lạnh Hitachi...

#### Sơ đồ 2: Quy trình sản xuất



Quy trình chế biến của TS4 tuân thủ các tiêu chuẩn về quản lý chất lượng sản phẩm và quy trình bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm HACCP, GMP, IFS, HALAL, BRC và được Cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản (NAFIQAVED) cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh theo các tiêu chuẩn hiện hành của ngành Thủy sản Việt Nam (tương đương với các quy định của Hội đồng châu Âu và các quy định về HACCP của Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ – FDA) với mã số DL 400, DL 516. Các công đoạn chế biến được giám định chặt chẽ về vệ sinh thực phẩm cũng như các tiêu chuẩn thủy hải sản khác.

Các loại máy móc thiết bị của TS4 bao gồm: máy đá vảy, hệ thống thiết bị sản xuất nước đá, băng chuyền cấp đông IQF, tủ cấp đông, máy đóng gói, kho chờ đông, kho trữ lạnh, hệ thống phát điện dự phòng, hệ thống xử lý nước thải... TS4 đã xây dựng và lắp đặt dây chuyền chế biến với các thông số tối ưu, chú trọng công tác đầu tư trang bị máy móc, thiết bị hiện đại. Hai nhà máy của TS4 tại Kiên Giang và Đồng Tháp được trang bị toàn bộ máy móc thiết bị chuyên dụng với công nghệ hiện đại nhằm gia tăng hiệu quả về năng suất và chất lượng cho sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Tuy nhiên, nhìn chung công nghệ sản xuất của TS4 hiện xếp loại trung bình trong hệ thống các doanh nghiệp cùng ngành. Do đó, một trong những chiến lược kinh doanh của TS4 là phải chú trọng đầu tư các dây chuyền chế biến hiện đại hơn nữa nhằm nâng cao hơn khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

#### **4.3. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Với một chiến lược kinh doanh năng động, TS4 không những phát triển các mặt hàng kinh doanh hiện tại mà còn chú trọng đến việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, đa dạng hóa các sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của TS4 được hình thành dựa trên nhu cầu thực tế của khách hàng trong và ngoài nước, khả năng cung ứng và dự trữ của các nguồn nguyên liệu, nghiên cứu những tồn tại trong khâu chế biến, chất lượng hàng hoá nhằm cải tiến các khâu chế biến, nâng cao chất lượng sản phẩm cho phù hợp với thị trường ngày càng bị cạnh tranh của các công ty cùng ngành trong và ngoài nước.

Thông qua các hội nghị, hội chợ thương mại, gặp gỡ khách hàng... TS4 tiến hành khảo sát, nghiên cứu nhu cầu của khách hàng, mong muốn của khách hàng về sản phẩm và dịch vụ để Công ty có thể cung cấp những sản phẩm và dịch vụ ngày càng tốt hơn, hoàn thiện hơn. Bên cạnh đó, TS4 còn gặp gỡ các khách hàng ở thị trường mục tiêu để tham khảo xu hướng, giá cả... của thị trường.

Trong những năm vừa qua, TS4 đã nghiên cứu và liên tục tung ra thị trường các sản phẩm mới như: các sản phẩm giá trị gia tăng (khoai tây cuộn tôm, hải sản thập cẩm, xúc xích hải sản...), các loại nông sản đông lạnh xuất khẩu (nhãn, vú sữa, bắp luộc...). Ngoài ra, hiện nay TS4 vẫn đang tiếp tục nghiên cứu để phát triển thêm các sản phẩm mới dự kiến sẽ tung ra thị trường trong thời gian sắp tới.

#### **4.4. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Là một công ty hoạt động trong ngành thực phẩm đông lạnh, khách hàng chủ yếu là các đối tác nước ngoài trong đó có một số nước có các quy định khá nghiêm ngặt về thực phẩm như Mỹ, Nhật Bản, EU... TS4 luôn đề cao vấn đề chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, xem đây là một trong những nhân tố then chốt quan trọng nhất để nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm của Công ty, mở rộng thị trường qua đó nâng cao doanh số bán hàng, tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

TS4 luôn đề ra các biện pháp nhằm đảm bảo cam kết với khách hàng về chất lượng sản phẩm luôn tuân thủ theo các quy định về kỹ thuật, kích cỡ, mẫu mã và thời gian giao hàng. Các tiêu chí về chất lượng của sản phẩm luôn được giám sát và kiểm tra chặt chẽ trong suốt quá trình chế biến từ khâu đầu tiên cho đến lúc thành phẩm. Hàng ngày, các nhật ký sản xuất luôn được cập nhật để giúp việc quản lý chất lượng ngày càng tốt hơn và sẽ điều chỉnh kịp thời các sai sót phát sinh nếu có.

Tại các xưởng sản xuất, chế biến của TS4 luôn có đội ngũ cán bộ KCS để rà soát và nghiệm thu các bán thành phẩm, các sản phẩm được đưa ra ở công đoạn sản xuất, chế biến. Việc kiểm tra được thực hiện xuyên suốt quá trình chế biến ngay từ khâu đưa nguyên liệu vào cho đến khâu xuất hàng cho khách hàng. Mọi sản phẩm của TS4 đều phải đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định về chất lượng, các tiêu chí về an toàn vệ sinh thực phẩm, dinh dưỡng do các hiệp hội thủy sản trong khu vực hoặc các thị trường khác quy định. Ngoài ra, sản phẩm của TS4 còn phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn khác của từng nước tiêu thụ đề ra cho việc nhập khẩu hàng thủy sản.

TS4 hiện đang quản lý chất lượng theo hệ thống tiêu chuẩn: GMP, HACCP, IFS, HALAI, BRC.

#### **4.5. Hoạt động Marketing**

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, TS4 luôn luôn chú trọng thực hiện các hoạt động Marketing để thực hiện đa phương hóa và cơ cấu thị trường phù hợp nhằm giảm thiểu các rủi ro khi có biến động về kinh tế thế giới. TS4 đã thành lập Phòng Kế hoạch – Marketing nhằm phát triển mạnh hoạt động marketing, quảng bá thương hiệu của Công ty...

Ngoài việc củng cố các thị trường truyền thống, TS4 đã và đang tiến hành mở rộng sang các thị trường mới được thực hiện thông qua các hình thức, chiến lược như sau:

##### **- Công tác tìm kiếm khách hàng mới:**

Bên cạnh việc chăm sóc và duy trì mối quan hệ với các khách hàng cũ, khách hàng hiện tại, Công ty luôn chú trọng công tác tìm kiếm khách hàng mới thông qua các hoạt động như tham gia vào các hội chợ thủy sản quốc tế, xây dựng và giới thiệu website của Công ty đến các bạn hàng và người tiêu dùng, tăng cường các chương trình quảng cáo để giới thiệu sản phẩm mới...

Công ty cũng đang nghiên cứu kế hoạch lập các đại diện thương mại hoặc các đại lý thông qua các kiểu bào Việt Nam ở các thị trường tiêu thụ để gia tăng kim ngạch và sản lượng xuất khẩu của Công ty, giảm dần các thị trường và các đối tác trung gian.

##### **- Sản phẩm:**

Công ty xác định sản phẩm luôn là yếu tố đầu tiên quan trọng nhất. Chiến lược sản phẩm đòi hỏi phải đưa ra những quyết định hài hòa về danh mục, chủng loại sản phẩm, nhãn hiệu bao bì... Nhận biết được tầm quan trọng của sản phẩm gắn liền với nhu cầu thị trường, Công ty đã đưa vấn đề sản phẩm lên hàng đầu. Hiện nay, trong chính sách sản phẩm của Công ty chủ yếu đề cập tới các vấn đề cơ bản là: chủng loại sản phẩm, chất lượng sản phẩm, cũng như bao bì nhãn mác sản phẩm.

Để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng nhằm mở rộng và chiếm lĩnh thị trường quốc tế, bên cạnh các sản phẩm truyền thống như: ghe, mực, cá đục... Công ty luôn tìm cách, cố gắng nghiên cứu, cải tiến, đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng phát triển các sản phẩm đang được thị trường thế giới ưa chuộng (tôm thịt, hoa quả đóng hộp...) để đưa ra thị trường quốc tế những loại sản phẩm mới với chất lượng tốt, mẫu mã bao bì theo yêu cầu của khách hàng, tạo uy tín ngày càng cao cho Công ty trên thị trường quốc tế. Các sản phẩm của Công ty đều được các đối tác đặt hàng chấp nhận, với những đánh giá cao về việc thực hiện các yêu cầu của hợp đồng như: thời gian giao hàng, các thông số về chất lượng, dịch vụ hậu mãi... Sự

đáp ứng này của Công ty luôn được khách hàng đánh giá cao về uy tín, chất lượng sản phẩm trên thị trường.

- Về giá cả:

Giá thành sản phẩm không chỉ là chỉ tiêu phản ánh chất lượng, đo lường hiệu quả kinh tế của sản xuất kinh doanh, mà nó còn phản ánh uy tín, sức mạnh cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp trên thị trường quốc tế. Công ty đã sử dụng một hệ thống chính sách giá khá linh hoạt nhằm tăng khối lượng hàng tiêu thụ và đạt được mục tiêu lợi nhuận. Công ty có các chính sách giá phù hợp cho từng mặt hàng, từng phân khúc thị trường. Do việc quản lý giá thành khá tốt nên giá sản phẩm khá cạnh tranh so với các đối thủ cạnh tranh khác tại Việt Nam cũng như thế giới.

**4.6. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Logo của TS4 đã được Cục Sở hữu Công nghiệp thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 45790 theo Quyết định số 1080/QĐ ngày 28/03/2003. Giấy chứng nhận này có thời hạn kể từ ngày cấp đến hết 10 năm kể từ ngày nộp đơn hợp lệ 05/03/2001 và có thể gia hạn. Hiện tại, Công ty đã tiến hành gia hạn.



**5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất**

**5.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất**

**Bảng 1: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh**

*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm 2012 so 2011
1	Tổng tài sản	707.228.209.423	915.689.648.368	29,48
2	Doanh thu thuần	649.071.200.943	593.881.809.761	-8,50
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	35.636.167.280	19.272.934.558	-45,92
4	Lợi nhuận khác	(96.354.432)	562.541.123	683,82
5	Lợi nhuận trước thuế	35.539.812.848	19.835.475.681	-44,19
6	Lợi nhuận sau thuế	25.237.439.236	14.917.714.981	-40,89
7	Tỷ lệ cổ tức (%)	16%	16%	-

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011 và 2012 của TS4*

**5.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo**

➤ **Thuận lợi:**

- Các khách hàng của TS4 tại các thị trường truyền thống như: Thái Lan, Nhật Bản, Mỹ, EU đều được giữ vững và ngày càng phát triển thêm ở các thị trường mới, thị trường xuất khẩu của Công ty đã được mở rộng đến hơn 30 nước trên toàn thế giới.
- Chất lượng sản phẩm ngày càng được chú trọng nâng cao nên TS4 luôn được khách hàng tin tưởng và ngày càng có nhiều đơn hàng có giá trị cao. Trên thương trường, uy tín của Công ty ngày càng cao, số lượng khách hàng ổn định và phát triển.
- TS4 có đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân trực tiếp sản xuất lành nghề và có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh và chế biến hàng thủy sản. Đặc biệt là Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ chủ chốt khá nhạy bén, có nhiệt huyết và tinh thần trách nhiệm cao, có nhiều kinh nghiệm trong ngành thủy sản.
- TS4 là một đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam nên được sự quan tâm giúp đỡ của Ban lãnh đạo Tổng Công ty, cũng như các tổ chức ban ngành khác của Tổng Công ty.
- Hội đồng quản trị của TS4 trong thời gian qua đã có những định hướng đúng đắn và những quyết định nhanh, kịp thời giải quyết những tình huống nhạy cảm trong kinh doanh.

➤ **Khó khăn:**

- Kinh tế Việt Nam đi qua năm 2011 với nhiều khó khăn, bất ổn cùng với những diễn biến phức tạp của nền kinh tế thế giới sau suy thoái: tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp, lạm phát cao dẫn đến chính sách thắt chặt tiền tệ, lãi suất ngân hàng tăng cao... tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm 2011, ngành thủy sản Việt Nam tuy đạt tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao nhưng chủ yếu nhờ đà tăng giá xuất khẩu do ảnh hưởng của tình hình lạm phát toàn cầu, thêm vào đó là mức trượt giá tăng giữa đồng Việt Nam và các đồng ngoại tệ cũng góp phần vào tăng doanh số xuất khẩu. Trên thực tế, các doanh nghiệp thủy sản nói chung và TS4 nói riêng vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bước sang năm 2012, đây là năm thực sự đầy khó khăn, nền kinh tế thế giới tiếp tục bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng tài chính kéo dài, đặc biệt là các nước thuộc khối EU – thị trường xuất khẩu chính của các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam. Kinh tế trong nước bộc lộ nhiều hạn chế, không ổn định, lãi suất tín dụng còn cao, hàng tồn kho lớn, thị trường chứng khoán và bất động sản đóng băng... đã khiến nhiều doanh nghiệp phải giải thể, tái cơ cấu.

- Năm 2011, do thị trường chứng khoán Việt Nam sụt giảm mạnh, tâm lý nhà đầu tư xấu... nên TS4 không thể phát hành cổ phiếu cổ phiếu tăng vốn điều lệ như kế hoạch được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, khiến TS4 không thể triển khai thực hiện các dự án kinh doanh đúng tiến độ cũng như không đẩy mạnh được việc mua nguyên liệu cho sản xuất khiến các nhà máy của Công ty không thể hoạt động hết công suất.
- Nguồn nguyên liệu khai thác từ tự nhiên ngày càng khan hiếm do tình trạng khai thác quá mức trước đây, các hiện tượng lũ lụt, thiên tai, các dịch bệnh đối với tôm, cá Tra xảy ra trong năm... khiến nguồn nguyên liệu đầu vào của TS4 bị ảnh hưởng rất lớn về sản lượng và giá cả tăng cao. Mặt khác, các chi phí sản xuất như xăng dầu, lãi suất ngân hàng, điện... trong năm

2011 cũng tăng cao đã đẩy giá thành sản phẩm lên cao, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh cũng như giảm tính cạnh tranh của TS4 với các công ty cùng ngành của các nước khác.

- Các nước nhập khẩu thủy sản thường xuyên thay đổi về quy cách sản phẩm, kiểm tra chất lượng kháng sinh, hóa chất kháng khuẩn, các chính sách bảo hộ với nông sản tại nước sở tại... nhằm hạn chế nhập khẩu đã ảnh hưởng lớn tới xuất khẩu thủy sản nói chung và cá Tra nói riêng, từ đó tạo ra những rào cản kỹ thuật và pháp lý ngày càng cao cho ngành chế biến thủy sản, qua đó ảnh hưởng đến thị trường của TS4.
- Năm 2012, các doanh nghiệp thủy sản nói riêng còn phải chịu nhiều tác động tiêu cực của nền kinh tế trong nước do: giá cả vật tư đầu vào như điện, nước, thức ăn nuôi trồng, nguyên liệu sản xuất... liên tục tăng cao trong khi giá xuất khẩu lại giảm. Ngoài ra, hệ quả của việc thắt chặt tín dụng trong những năm vừa qua khiến doanh nghiệp ngày càng kiệt quệ về nguồn vốn, lãi suất vốn vay vẫn ở mức cao và khó tiếp cận nguồn vốn.

# B. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

## KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

### VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2013

#### PHẦN I

#### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2012

##### I. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2012 :

Năm 2012 thực sự là một năm đầy khó khăn, nền kinh tế thế giới tiếp tục bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng tài chính kéo dài, đặc biệt là các nước thuộc khối EU – thị trường xuất khẩu chính của thủy sản Việt Nam. Kinh tế trong nước bộc lộ nhiều hạn chế, không ổn định, lãi suất tín dụng còn cao, hàng tồn kho lớn, thị trường chứng khoán và bất động sản đóng băng ... đã khiến nhiều Doanh nghiệp phải giải thể, tái cơ cấu.

Ngành Thủy sản mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể và có định hướng chiến lược rõ ràng nhưng vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do chủ yếu vẫn gia tăng về lượng, còn sự chuyển biến về chất còn rất hạn chế. Bên cạnh đó các Doanh nghiệp Thủy sản còn phải chịu nhiều tác động tiêu cực của nền kinh tế trong nước do: Giá cả vật tư đầu vào như điện, nước, thức ăn nuôi trồng, nguyên liệu sản xuất ... liên tục tăng cao mà giá xuất khẩu lại giảm. Rào cản thương mại từ nhiều nước như: Mỹ, Nhật Bản ... ngày càng gia tăng nhằm hạn chế nhập khẩu đã ảnh hưởng lớn tới xuất khẩu thủy sản nói chung và Cá Tra nói riêng. Ngoài ra, hệ quả của việc thắt chặt tín dụng trong những năm vừa qua khiến Doanh nghiệp ngày càng kiệt quệ về nguồn vốn, lãi suất vốn vay vẫn ở mức cao và khó tiếp cận nguồn vốn.

Trong bối cảnh kinh doanh đầy khó khăn đó, HĐQT Công ty đã kịp thời chỉ đạo và có những định hướng đúng đắn, Ban Lãnh đạo Công ty đã năng động, nhạy bén trong quản lý, điều hành hoạt động SXKD, thực hiện tốt vai trò của mình. Năm 2012 Công ty đã đạt được những kết quả như sau:

##### *1) Những việc đã làm được:*

- Sản xuất chế biến ổn định ở cả 3 Nhà máy, kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Ban Điều hành đã bám sát thị trường, theo dõi diễn biến giá cả từng ngày để từ đó kịp thời điều chỉnh giá thu mua nguyên liệu cũng như bao bì vật tư, chủ động trong sản xuất kinh doanh. Tập thể CB.CNV trong Công ty đoàn kết, an tâm công tác, phát huy sức mạnh tập thể để cùng nhau vượt qua khó khăn.

- Vùng nuôi được chú trọng phát triển, đến nay Công ty đã triển khai đầu tư được 60 ao nuôi cá Tra (= 60 ha), đáp ứng được 70% công suất thiết kế của Nhà máy và đem lại hiệu quả cao cho Công ty.

- Công ty đã từng bước xây dựng được định mức tiêu chuẩn trong sản xuất để tiết kiệm chi phí, nguyên vật liệu, nâng cao ưu thế cạnh tranh với các Doanh nghiệp cùng ngành nghề. Chất lượng sản phẩm của Công ty ngày càng được chú trọng và hoàn thiện nên luôn được khách hàng tin tưởng.

- Công tác Thị trường xuất khẩu luôn được quan tâm và mở rộng cả về số lượng và chất lượng. Công ty tích cực tham gia các Hội chợ Thủy sản trong và ngoài nước để tìm kiếm khách hàng và quảng cáo sản phẩm.

- Công tác Tài chính lành mạnh, minh bạch, không có nợ xấu.

## 2) Những việc chưa làm được :

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2012, HĐQT Công ty đã ký Hợp đồng tư vấn Phát hành thêm cổ phiếu với Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank. Nhưng do tình hình thị trường chứng khoán không thuận lợi và một số vấn đề về thủ tục nên đến nay Công ty vẫn chưa nhận được Giấy phép Phát hành của UBCK NN. Cũng vì thế mà chưa thực hiện được 2 Dự án là: Đầu tư mở rộng vùng nuôi Cá Tra và Xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn tại Đồng Tháp.

- Do tình hình suy thoái kinh tế thế giới, nhất là các nước E.U hiện nay đang là khách hàng nhập khẩu chủ yếu của Công Ty (trên 40%) nên sức mua giảm mạnh so với các năm trước. Vì thế Công ty phải thu hẹp sản xuất để hạn chế lượng tồn kho, các Nhà máy không hoạt động hết công suất, nên trong năm 2012 đã không hoàn thành kế hoạch về sản lượng sản xuất chế biến cũng như Doanh số xuất khẩu do Đại hội cổ đông giao cho. Mặt khác các chi phí sản xuất đầu vào tăng như: nguyên vật liệu, xăng dầu, lãi suất Ngân hàng... đã đẩy giá thành sản phẩm lên cao, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả trong hoạt động SXKD của Công ty nên chỉ tiêu Lợi nhuận cũng không đạt.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2012 :

### 1) Về Sản xuất chế biến, xuất khẩu :

Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2012	So sánh % cùng kỳ	So sánh % Kế hoạch
- Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	852,770	104,44	81,22
- Lợi nhuận T. thuế	Tỷ đồng	19,835	55,81	44,07
- Sản lượng SXCB	Tấn	8.886	98,10	77,27
- Sản lượng XK	Tấn	8.258	91,10	71,81
- Giá trị XK	Triệu USD	22,24	87,56	61,78

### \* Cơ cấu thị trường XK :

		<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
- Mỹ	:	3,4%	5,9 %
- Nhật	:	11,9%	10,6 %
- Thái Lan	:	17,8%	9,1 %



- Uc	:	5,5%	3,7 %
- E.U	:	41,7%	53,2 %
- Trung đông	:	3,9%	9,8 %
- Các thị trường khác	:	15,8%	7,7 %

2) Kết quả hoạt động kinh doanh :

CHỈ TIÊU	Năm 2012
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>852.770.523.930</b>
Các khoản giảm trừ	4.336.406.864
Doanh thu thuần	848.434.117.066
Giá vốn hàng bán	714.257.230.266
Lợi nhuận gộp	134.176.886.800
Doanh thu hoạt động tài chính	1.886.496.589
Chi phí hoạt động tài chính	43.631.789.786
Trong đó : Chi phí lãi vay	42.404.191.074
Chi phí bán hàng	55.194.648.283
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.964.610.762
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>19.272.934.558</b>
Thu nhập khác	665.092.207
Chi phí khác	102.551.084
Lợi nhuận khác	562.541.123
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>19.835.475.681</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.917.760.700
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>14.917.714.980</b>
<b>Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu</b>	<b>1.310</b>

\* Số liệu này đã được kiểm toán .

\* Doanh thu tính theo Chi nhánh :

- Văn phòng TP/HCM	:	135.417.450.037	đồng
- Chi nhánh Kiên Giang	:	76.236.647.758	“
- Đồng Tháp – Sản xuất	:	402.542.701.407	“
- Đồng Tháp – vùng nuôi	:	238.573.724.728	“

* Phân phối lợi nhuận trước thuế	:	19.835.475.681 đồng
- Chia cổ tức dự kiến 6% bằng tiền mặt	:	6.834.568.800 đồng
Và dự kiến 10% bằng cổ phiếu, tổng cộng là 16%		
- Thuế TNDN (Tạm nộp)	:	4.917.760.700 “
- Quỹ Dự phòng Tài chính	:	500.000.000 “
- Quỹ Phúc lợi khen thưởng	:	4.429.109.126 “
- Lợi nhuận chưa phân phối	:	3.154.037.055 “

\* **Phương án chia cổ tức năm 2012 :**

Đại hội cổ đông năm 2012 đã thống nhất chia cổ tức tối thiểu là 16%, nhưng do tình hình kinh tế không thuận lợi, việc phát hành thêm cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 đang chờ UBCKNN xem xét cấp phép nên chưa thực hiện được trong năm. Hiện nay Công ty đang rất cần nguồn vốn để ưu tiên cho hoạt động SXKD đặc biệt là mở rộng vùng nuôi (tăng thêm 30 ha phục vụ cho 100% theo công suất thiết kế của Nhà máy), vì theo tính toán nếu có vùng nuôi cung cấp ổn định nguyên liệu cho sản xuất sẽ tiết kiệm được khoảng từ 5 – 7% giá thành.

Vi sự phát triển lâu dài và giảm bớt áp lực về tiền mặt cho Công ty, Ban lãnh đạo Công ty xin được đề xuất phương án chia cổ tức năm 2012 cho cổ đông như sau:

- Trả bằng tiền mặt: tỷ lệ 6%/cổ phiếu (1 cổ phiếu nhận 600 đồng)
- Trả bằng cổ phiếu: phương án cụ thể như sau:
  - + Tỷ lệ 10%, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được chia thêm 01 cổ phiếu mới.
  - + Tổng số cổ phiếu phát hành trả cổ tức khoảng : 1.139.094 cổ phiếu (Sau khi trừ CP quỹ và làm tròn số).
  - + Tổng giá trị theo mệnh giá khoảng : 11.390.940.000 đồng.
  - + Nguồn vốn thực hiện : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012.
  - + Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: số cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị hủy. Số cổ phiếu phát hành là số cổ phiếu thực tế chi trả.
  - + Chấp thuận niêm yết bổ sung khoảng 1.139.940 cổ phiếu phát hành trả cổ tức.
  - + Ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức phù hợp với quy định của pháp luật.
- Thời gian thực hiện:

Sau khi nhận được Giấy phép phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của UBCKNN cấp, Công ty sẽ tiến hành chốt danh sách cổ đông để sử dụng cho 2 mục đích:

+ Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10%.

+ Phát hành thêm cổ phiếu theo theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 .

Ban lãnh đạo Công ty rất mong nhận được sự đồng thuận và chia sẻ của các Quý vị cổ đông .

### III . ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỬA CHỮA NÂNG CẤP NHÀ XƯỞNG VÀ

#### ĐẦU TƯ THIẾT BỊ :

Tổng giá trị đầu tư năm 2012 được Đại hội cổ đông thông qua ngày 09/04/2012 và giao cho Ban Điều hành thực hiện là : **140 Tỷ đồng**

Chia ra : + Đầu tư cho Dự án nuôi tại Đồng Tháp : 80 Tỷ đồng

+ Nhà máy CB thức ăn cá, PX bột cá ... : 60 Tỷ đồng

Do không phát hành được cổ phiếu để tăng nguồn vốn , nên trong năm 2012 Ban Điều hành Công ty chỉ ưu tiên thực hiện những Dự án cấp thiết phục vụ sản xuất , cụ thể như sau :

**Tổng giá trị đầu tư năm 2012 : 35,889 Tỷ Đồng**

#### Trong đó :

\* Đầu tư cho Vùng nuôi tại Đồng Tháp : 18,411 Tỷ Đồng

\* Nhà máy Toàn Thắng – KCN Long Hậu : 17,478 Tỷ đồng

## PHẦN II

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NĂM 2013

#### I) PHƯƠNG HƯỚNG , NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2013 :

##### 1) Nhân định tình hình :

Các chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước đều dự đoán năm 2013 kinh tế thế giới còn tiếp tục khó khăn, phục hồi chậm, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Diễn biến của cuộc khủng hoảng nợ công tại Châu Âu, tình hình thâm hụt ngân sách của các nước, nhất là các nước đang phát triển, sự suy giảm tăng trưởng của các quốc gia trên thế giới sẽ có những tác động đáng kể tới tình hình kinh tế của Việt Nam.

Thị trường xuất khẩu Thủy sản cũng chưa cho thấy tín hiệu sáng sủa mà dự báo sẽ gặp nhiều thách thức khi những khó khăn trong năm 2012 vẫn chưa được giải quyết triệt để . Tuy nhiên, hiện nay Bộ NN&PTNT đang hoàn thiện Nghị định sản xuất, chế biến, xuất khẩu Cá Tra nhằm phát triển ngành bền vững, nâng cao sản phẩm giá trị gia tăng . Mặt khác Cá Tra vừa được Quỹ Quốc tế bảo vệ thiên nhiên WWF đưa vào “Danh sách xanh” ( những sản phẩm thủy sản tốt cho sức khỏe được WWF khuyến khích người dân nên dùng ) , thì tin tưởng rằng xuất khẩu Cá Tra sẽ có vị thế và phát triển vững chắc hơn trong thời gian tới .

Riêng với Công ty TS4 năm 2013 lợi thế phát triển thêm rất lớn từ cơ hội tạm ngưng của nhiều Nhà máy chế biến cá Tra khác , trong khi nhu cầu tiêu thụ trên thế giới không giảm . Hiện nay chúng ta đã có một thống ao nuôi tương đối tốt, Nhà máy chế biến cá Tra tại Đồng Tháp đã xây dựng được quy trình sản xuất với các định mức kỹ thuật , chi phí sản xuất đủ sức cạnh tranh , lượng khách hàng tương đối ổn định .

##### 2) Chiến lược phát triển :

Căn cứ vào tình hình trên , Hội đồng quản trị Công ty đã có định hướng cho chiến lược phát triển trong năm 2013 , đó là :

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 01/2012/NQ-ĐHCB đã được Đại hội Cổ đông thông qua ngày 09/04/2012 về việc phát hành thêm Cổ phiếu tăng Vốn Điều lệ lên 234,5 tỷ đồng nhằm bổ sung nguồn vốn cho Dự án đầu tư mở rộng vùng nuôi cá Tra nhằm cung cấp nguyên liệu ổn định và đạt tiêu chuẩn cho Nhà máy CBTS Đồng Tâm và xây dựng Nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản .

- Nắm chắc tình hình thực tế và các chính sách của Nhà nước để có định hướng đúng, đưa ra các kế hoạch SXKD phù hợp và chủ động tránh các rủi ro có thể xảy ra . Trong tình hình thị trường tiêu thụ giảm, chi phí đầu vào tăng, cạnh tranh ngày càng gay gắt và khả năng tiếp cận vốn khó thì cần lựa chọn phương án kinh doanh để sử dụng đồng vốn một cách hiệu quả nhất .

- Mở rộng thị trường xuất khẩu tại Nhà máy Đồng Tâm để tăng thêm doanh thu và hiệu quả cho Công ty , ổn định sản xuất tại nhà máy tại T/P HCM và Kiên Giang . Phát huy những lợi thế sẵn có về : khách hàng , nguồn nguyên liệu để tiếp tục tăng trưởng .

Trong hoạt động SXCB điều quan trọng là phải giữ ổn định chất lượng sản phẩm, tuân thủ nghiêm các quy định về đảm bảo chất lượng và VSATTP để giữ vững thị trường.

- Đối với các Vùng nuôi đã đầu tư :

Tập trung kiểm soát chất lượng vật tư đầu vào : Chất lượng giống, thức ăn, xử lý cải tạo môi trường ... ,củng cố về mặt quản lý, kỹ thuật nuôi trồng, tiết kiệm chi phí để đem lại hiệu quả cao. Đảm bảo cung cấp 100% nhu cầu cá nguyên liệu phục vụ cho Nhà máy sản xuất chế biến.

- Chung cư Orient tại Quận 4 :

Tới hết Quý 1/2013 đã bán xong toàn bộ sổ căn hộ, hiện Công ty còn giữ lại 1.000 M<sup>2</sup> mặt bằng thương mại đang cho thuê, được thẩm định trị giá tương đương 25 Tỷ và phần còn thu từ khách hàng khoảng 30 tỷ khi làm xong Giấy chứng nhận chủ quyền (dự kiến Quý 2 / 2013). Công ty cũng đã hoàn trả toàn bộ tiền vay để xây dựng chung cư từ Ngân hàng Vietcombank.

- Nhà máy tại Long Hậu :

Hiện tại đã đóng xong phần móng, Công ty sẽ chọn thời điểm khi kinh tế khởi sắc, lãi suất Ngân hàng giảm thì tiếp tục triển khai dự án.

### 3) Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Trên cơ sở chiến lược phát triển, Ban lãnh đạo Công ty dự kiến đưa ra kế hoạch trong năm 2013 như sau :

- Tổng Doanh thu : 1.000 Tỷ đồng – Tăng 17,50% so với 2012
- Sản lượng sản xuất : 11.000 Tấn – Tăng 24% so với 2012
- Sản lượng xuất khẩu : 11.000 Tấn – Tăng 33% “
- Giá trị xuất khẩu : 30 Triệu USD – Tăng 35% “
- Lợi nhuận trước thuế : 35 Tỷ đồng – Đạt 3,5% / Tổng D.Thu

#### Dự kiến chia ra :

- + Chia cổ tức tối thiểu 16% : 29,0 Tỷ đồng (dự kiến VDL sau PH là 180 Tỷ)  
( Chia bằng tiền mặt và / hoặc cổ phiếu )
- + Thuế Thu nhập DN : 1,0 Tỷ đồng
- + Quỹ Phúc lợi, KT : 4,5 Tỷ đồng
- + Quỹ Dự phòng bắt buộc : 0,5 Tỷ đồng

### 4) Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2013 :

**Tổng giá trị đầu tư dự kiến : 80 Tỷ Đồng**

#### Chia ra :

- \* Đầu tư vùng nuôi 30 ha : 60 Tỷ  
Phục vụ cho 30% công suất Nhà máy
- \* Giai đoạn 1 Nhà máy thức ăn : 20 Tỷ

\* Tiến độ thực hiện :

\* Vùng nuôi :

- Quý 3 / 2013 : 15 ha khoảng 30 Tỷ

- Quý 4 / 2013 : 15 ha khoảng 30 Tỷ

\* Nhà máy Thức ăn thủy sản :

- Quý 3 / 2013 : 10 Tỷ

- Quý 4 / 2013 : 10 Tỷ

## II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN :

Để thực hiện được những mục tiêu đã đề ra như trên trong năm 2013 , Ban lãnh đạo Công ty dự kiến một số giải pháp cơ bản như sau :

### 1) Về tổ chức bộ máy và chế độ chính sách :

- Nâng cao chất lượng đội ngũ Cán bộ , công nhân lành nghề , đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có chuyên môn vững, đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn quản lý kinh tế, quản lý chất lượng, kỹ thuật sản xuất cho phù hợp với chức năng của từng Nhà máy và vùng nuôi .

- Xây dựng chính sách tiền lương , thưởng cho cán bộ CNV nhằm củng cố và kiện toàn bộ máy quản lý năng động , đảm bảo sức cạnh tranh và thu nhập lao động có tay nghề , phù hợp với yêu cầu ngày càng phát triển của Công ty .

- Thực hiện tốt mọi chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước như : BHXH, BHYT, khám sức khỏe định kỳ, nghỉ mát hàng năm...

### 2) Về điều hành hoạt động SXKD :

\* Về Sản xuất chế biến :

Cần nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tỷ lệ hàng GTGT, nâng cao sức cạnh tranh của mặt hàng thủy sản gắn liền với đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm , quản lý tốt từ khâu nguyên liệu , trong quá trình sản xuất đến khâu bảo quản và xuất khẩu . Thành phẩm sản xuất ra có chất lượng ổn định và đạt tiêu chuẩn XK , giữ vững lòng tin của khách hàng .

Tiếp tục thực hiện các Quy chế về sản xuất chế biến , xuất khẩu , thực hiện triệt để chính sách tiết kiệm : từ định mức tiêu hao nguyên liệu sản xuất , chi phí sản xuất đến chi phí quản lý, tăng năng suất lao động ... nhằm giảm giá thành sản phẩm , tăng sức cạnh tranh trên thị trường .

\* Về Vùng nuôi :

Tăng cường công tác quản lý chất lượng con giống, vật tư, nguyên liệu đầu vào , bảo vệ môi trường sinh thái để tiến tới phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững . Nâng cao năng suất nuôi trồng và tiết kiệm chi phí ... để đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty .

**\* Về công tác thị trường :**

Tiếp tục tìm đầu ra ổn định cho mặt hàng Cá Tra tại Nhà máy Đồng Tâm thông qua : các khách hàng cũ, tham gia các Hội chợ xúc tiến thương mại trong và ngoài nước , các văn phòng đại diện tại VN và qua các phương tiện thông tin khác .

Nâng cao vị thế của Công ty trên thị trường tiêu thụ bằng các sản phẩm đặc trưng và các sản phẩm mới . Đảm bảo chất lượng sản phẩm ngày càng tốt hơn và thực hiện đúng các điều khoản Hợp đồng đã ký với khách hàng .

**3) Về Tài chính :**

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo đủ vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển .

Tích cực liên hệ với các Ngân hàng , các tổ chức tài chính để huy động nguồn vốn vay với lãi suất thấp và thời hạn dài .

Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về Báo cáo tài chính, kiểm toán, kiểm soát tài chính , công khai minh bạch tài chính theo các quy định của Pháp luật .

**III ) BÁO CÁO CHI THÙ LAO CỦA HĐQT VÀ BKS NĂM 2012 VÀ KẾ HOẠCH CHI NĂM 2013 :**

Năm 2012 tổng chi thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty là : 720.000.000 đồng .

Năm 2013 , Ban lãnh đạo Công ty đề nghị mức chi thù lao HĐQT và Ban kiểm soát Công ty giữ nguyên như năm 2012 , cụ thể như sau :

- Chủ tịch HĐQT	:	15.000.000	Đồng/Tháng
- Phó CT. HĐQT	:	12.000.000	“
- Uy viên HĐQT	:	10.000.000	“
- Trưởng ban KS	:	5.000.000	“
- Uy viên BKS	:	4.000.000	“

Ban lãnh đạo Công ty luôn ý thức sâu sắc trách nhiệm đối với sự phát triển của Công ty , với các cổ đông . Phát huy tinh thần đoàn kết, năng động, dám nghĩ dám làm của Ban lãnh đạo và tập thể CB.CNV Công ty, chúng tôi hy vọng rằng Công ty sẽ vượt qua mọi khó khăn, có những phương án thích hợp trong SXKD để hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông giao phó .

**C. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN (đính kèm)**

TP. HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2013

**TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

